

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
Chương 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	3
1.1. Khái niệm tăng trưởng và phát triển kinh tế	
1.2. Các thước đo tăng trưởng và phát triển kinh tế	
1.3. Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế và đặc điểm của các nước đang phát triển	
1.4. Vai trò của Nhà nước đối với quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế	
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI CÔNG BẰNG XÃ HỘI	26
2.1. Các hình thức phân phối thu nhập	
2.2. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	
2.3. Vấn đề nghèo đói	
Chương 3. CÁC NGUỒN LỰC VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	45
3.1. Tài nguyên thiên nhiên với tăng trưởng và phát triển kinh tế	
3.2. Nguồn lao động với tăng trưởng và phát triển kinh tế	
3.3. Khoa học và công nghệ với tăng trưởng và phát triển kinh tế	
3.4. Vốn với tăng trưởng và phát triển kinh tế	
Chương 4. CƠ CẤU KINH TẾ VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	72
4.1. Lý luận chung về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	
4.2. Những giải pháp chủ yếu thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế	
Chương 5. NÔNG NGHIỆP VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	89
5.1. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp	
5.2. Vai trò của sản xuất nông nghiệp đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế	
5.3. Một số vấn đề kinh tế chủ yếu trong phát triển nông nghiệp nước ta	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	127
6.1. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp	
6.2. Vai trò của sản xuất công nghiệp đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế	
6.3. Những vấn đề kinh tế chủ yếu để phát triển ngành nông nghiệp	

Chương 7. XÂY DỰNG CƠ BẢN VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN 142

7.1. Đặc điểm của xây dựng cơ bản

7.2. Vai trò của xây dựng cơ bản đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế

7.3. Những vấn đề kinh tế chủ yếu để phát triển ngành xây dựng nước ta

Chương 8. DỊCH VỤ VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ 175

8.1. Đặc điểm của dịch vụ

8.2. Vai trò của dịch vụ đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế

8.3. Những vấn đề kinh tế chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ

Tailieu.vn

Chương I

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Kinh tế học nghiên cứu cách thức xã hội phân bổ các nguồn lực có hạn để thoả mãn nhu cầu của xã hội. Kinh tế chính trị học - vượt ra ngoài kinh tế học thuần túy - nghiên cứu quan hệ sản xuất, tức là mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất xã hội. Do đó, kinh tế chính trị học quan tâm đến sự tác động qua lại giữa chính trị và kinh tế học. Còn kinh tế học phát triển "ngoài việc nghiên cứu cách thức xã hội phân bổ có hiệu quả các nguồn lực sản xuất khan hiếm hiện có, cũng như sự phát triển bền vững của những nguồn lực này theo thời gian và những nội dung chính trị của những quyết định kinh tế, nó còn quan tâm đến những cơ chế về kinh tế, xã hội và thể chế cần thiết để ... tác động đến những chuyển đổi nhanh chóng về thể chế và cơ cấu của toàn thể xã hội, sao cho có thể mang lại một cách hiệu quả nhất những thành quả của những tiến bộ kinh tế cho hầu hết các tầng lớp nhân dân trong xã hội đó". Với nội dung nghiên cứu trên đây, Kinh tế học phát triển sử dụng tri thức của nhiều ngành khoa học khác nhau trước hết là Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học công cộng, Kinh tế chính trị học ...

Nghiên cứu kinh tế học phát triển rất có ý nghĩa đối với nước ta, một trong các nước có thu nhập thấp, đang muốn chuyển nền kinh tế từ trạng thái thu nhập thấp, nghèo nàn, lạc hậu sang trạng thái phát triển, hiện đại, có thu nhập cao nhằm cải thiện sâu rộng đời sống của mọi tầng lớp nhân dân.

1.1. Khái niệm tăng trưởng và phát triển kinh tế

Sản xuất của cải vật chất và cung ứng các dịch vụ nhằm thoả mãn các nhu cầu của con người như ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, giải trí ... là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Bởi vậy, từ xưa đến nay, sự tiến bộ kinh tế trở thành mối quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia, mọi dân tộc. Sự tiến bộ đó liên quan tới hai khái niệm cơ bản: tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

1.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về lượng kết quả đầu ra hoạt động của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định (thường là năm, quý).

Giả sử kết quả đầu ra của nền kinh tế của một quốc gia được ký hiệu là Y . Y_0 là kết quả đầu ra của năm 0; Y_n là kết quả đầu ra của năm n . Khi đó tăng trưởng của nền kinh tế của năm n so với năm 0 được biểu thị bởi mức tăng trưởng tuyệt đối hoặc tốc độ tăng trưởng như sau:

Mức tăng trưởng tuyệt đối: $\Delta Y_n = Y_n - Y_0$

Tốc độ tăng trưởng: $g = \frac{\Delta Y_n}{Y_0} = \frac{Y_n - Y_0}{Y_0}$

1.1.2. Phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là khái niệm có nội dung sâu rộng hơn và luôn luôn được bổ sung gắn với những nhận thức mới về ý nghĩa của quá trình phát triển. Vì lẽ đó có nhiều cách diễn đạt khác nhau về khái niệm phát triển kinh tế. Diễn tả một cách ngắn gọn có thể hiểu phát triển kinh tế là quá trình thay đổi theo hướng tiến bộ về mọi mặt kinh tế - xã hội của một quốc gia trong bối cảnh một nền kinh tế đang tăng trưởng. Phát triển kinh tế bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế dài hạn. Đây là điều kiện tiên quyết để tạo ra những tiến bộ về kinh tế - xã hội, nhất là ở các nước đang phát triển thu nhập thấp.

Thứ hai, cơ cấu kinh tế - xã hội thay đổi theo hướng tiến bộ. Xu hướng tiến bộ của quá trình thay đổi này ở những nước đang phát triển đang hoặc chưa trải qua quá trình công nghiệp hoá thể hiện ở quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và đô thị hoá; đó không đơn thuần là sự gia tăng về quy mô, mà còn bao hàm việc mở rộng chủng loại và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ được sản xuất ra; hoạt động của nền kinh tế ngày càng gia tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tạo cơ sở cho việc đạt được những tiến bộ xã hội một cách sâu rộng.

Thứ ba, những tiến bộ kinh tế - xã hội chủ yếu phải xuất phát từ động lực nội tại. Đến lượt mình kết quả của những tiến bộ kinh tế đạt được lại làm gia tăng không ngừng năng lực nội sinh của nền kinh tế (thể hiện ở những tiến bộ về

công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và gia tăng nguồn vốn trong nước ...)

Thứ tư, đạt được sự cải thiện sâu rộng chất lượng cuộc sống của mọi thành viên trong xã hội như là mục tiêu hàng đầu và là kết quả của sự phát triển. Đương nhiên một kết quả như thế không thể chỉ là sự gia tăng thu nhập bình quân đầu người, một con số bình quân có thể che lấp đằng sau nó sự phân phối bất bình đẳng, nạn nghèo đói, thất nghiệp và những thụ hưởng khác về giáo dục, y tế, văn hoá ...

- Tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế là hai khái niệm khác nhau nhưng có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau.

Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần để phát triển kinh tế. Ở những nước đang phát triển, đặc biệt là những nước đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người thấp, nếu không đạt được tăng trưởng tương đối cao và liên tục trong nhiều năm, thì khó có thể có điều kiện kinh tế để cải thiện mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội.

Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế chỉ là điều kiện cần, không phải là điều kiện đủ để phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế có thể được thực hiện bởi những phương thức khác nhau và do đó có thể dẫn đến những kết quả khác nhau. Nếu phương thức tăng trưởng kinh tế không gắn với sự thúc đẩy cơ cấu kinh tế xã hội theo hướng tiến bộ, không làm gia tăng, mà thậm chí còn làm xói mòn năng lực nội sinh của nền kinh tế, sẽ không thể tạo ra phát triển kinh tế. Nếu phương thức tăng trưởng kinh tế chỉ đem lại lợi ích kinh tế cho nhóm dân cư này, cho vùng này, mà không hoặc đem lại lợi ích không đáng kể cho nhóm dân cư khác, vùng khác; thì tăng trưởng kinh tế như vậy sẽ khoét sâu bất bình đẳng xã hội. Những phương thức tăng trưởng như vậy, rốt cục cũng chỉ là kết quả ngắn hạn, không những không thúc đẩy được phát triển; mà bản thân nó cũng khó có thể tồn tại được lâu dài.

Phát triển bền vững

Trong tác phẩm "Chăm lo cho trái đất" định nghĩa sự phát triển bền vững là "sự nâng cao chất lượng đời sống con người trong lúc đang tồn tại, trong

khuôn khổ đảm bảo các hệ thống sinh thái", còn tính bền vững là "một đặc điểm đặc trưng của một quá trình hoặc một trạng thái có thể duy trì mãi mãi".

Phát triển bền vững về mặt kinh tế đòi hỏi phải sử dụng tối ưu các nguồn lực, trong đó yếu tố quan trọng nhất là nâng cao năng suất, đổi mới công nghệ để duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế lâu dài, ổn định.

Phát triển bền vững về mặt xã hội đòi hỏi phát triển kinh tế phải đi đôi phát triển xã hội: chống đói nghèo, thất nghiệp và bất công xã hội cũng như cải thiện sâu rộng về mọi khía cạnh của cuộc sống cho tất cả mọi người; đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển vật chất và tinh thần, bảo đảm duy trì và phát triển những giá trị truyền thống dân tộc và tinh hoa nhân loại.

Phát triển bền vững về mặt môi trường đòi hỏi trong bất kỳ chiến lược phát triển nào theo hướng bền vững cũng phải tính toán kỹ các tác động qua lại giữa con người và thiên nhiên sao cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống con người trong khuôn khổ đảm bảo cân bằng các hệ sinh thái. Phát triển bền vững về môi trường, do đó, liên quan trước hết đến xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Các khía cạnh khác nhau của phát triển bền vững có mối liên hệ biện chứng với nhau. Không thể có phát triển bền vững nếu thiếu đi một khía cạnh nào đó đã nêu của phát triển bền vững nói chung.

1.2. Các thước đo tăng trưởng và phát triển kinh tế

1.2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tổng sản phẩm quốc dân (GNP)

Kết quả đầu ra của hoạt động kinh tế được đặc trưng bởi các loại sản phẩm hàng hoá và dịch vụ hết sức đa dạng về chủng loại, mục đích sử dụng và chất lượng. Tuy nhiên, các chỉ tiêu GDP và GNP thông qua sử dụng thước đo tiền tệ có thể tổng hợp được kết quả đầu ra hết sức phong phú và đa dạng đó của nền kinh tế. Nhờ đó, đã cung cấp một công cụ hữu hiệu cho việc đánh giá sự tăng trưởng, phát triển kinh tế của một quốc gia.

Tổng sản phẩm trong nước (Gross Domestic Product-GDP)

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là giá trị thị trường của tất cả các hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra bởi các yếu tố sản xuất trong lãnh thổ kinh tế của một nước trong một thời kỳ nhất định.

Để hiểu được định nghĩa trên đây cần chú ý:

"Giá trị thị trường" có nghĩa là sản lượng được tính theo mức giá phổ biến trên thị trường.

"Tất cả các hàng hoá và dịch vụ" có nghĩa là GDP cố gắng đo lường mọi sản phẩm được sản xuất trong nền kinh tế và được bán hợp pháp trên các thị trường. Do đó, GDP không tính đến việc sản xuất và bán các loại sản phẩm bất hợp pháp và các hoạt động sản xuất và tiêu dùng tại gia đình.

"Cuối cùng" có nghĩa là GDP chỉ tính những hàng hoá và dịch vụ được bán cho người sử dụng cuối cùng. Nhờ cách tính này mà tránh được việc tính trùng giá trị của các hàng hoá trung gian.

"Hàng hoá và dịch vụ" có nghĩa là trong GDP tính cả hàng hoá hữu hình, ví dụ như bánh mì, rượu, bia, xe đạp cũng như các hàng hoá vô hình như dịch vụ do các bác sỹ và luật sư cung cấp.

"Được sản xuất ra" có nghĩa là chỉ tính giá trị sản xuất hiện tại. Nó không bao gồm những giao dịch liên quan đến hàng hoá đã được sản xuất ra trong quá khứ. Chẳng hạn, một người nào đó bán một chiếc xe hơi đã qua sử dụng cho người khác, thì giá trị của chiếc xe hơi đã qua sử dụng đó không nằm trong GDP.

"Các yếu tố sản xuất trong lãnh thổ kinh tế quốc gia" nghĩa là các sản phẩm được đưa vào GDP của một quốc gia khi chúng được sản xuất ra bởi các yếu tố sản xuất trên lãnh thổ quốc gia đó, bất kể các yếu tố sản xuất đó thuộc sở hữu của các công dân nước đó hay nước ngoài.

"Trong một thời kỳ nhất định" nghĩa là GDP phản ánh giá trị sản xuất thực hiện trong một khoảng thời gian cụ thể, thường là một năm hay một quý.

Về nguyên tắc, GDP có thể được tính theo ba phương pháp: phương pháp sản xuất (sử dụng luồng thông tin từ sản xuất); phương pháp chi tiêu (sử dụng

luồng thông tin từ chi tiêu) và phương pháp thu nhập (sử dụng luồng thông tin từ thu nhập). Kết quả thu được từ các cách tiếp cận này hoàn toàn tương đương nếu như tất cả các số liệu được thu thập đầy đủ và chính xác.

Phương pháp sản xuất còn được gọi là phương pháp giá trị gia tăng. Theo phương pháp này GDP tổng hợp giá trị gia tăng của mọi doanh nghiệp (hoặc ngành) trong nền kinh tế. Giá trị gia tăng được tính bằng cách lấy giá trị tổng hợp sản lượng trừ đi giá trị của tất cả các hàng hoá và dịch vụ mua ngoài đã được sử dụng hết trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp (được gọi là tiêu dùng trung gian).

Phương pháp thu nhập. Phương pháp này đo lường GDP trên cơ sở thu nhập tạo ra trong quá trình sản xuất hàng hoá chứ không phải là giá trị của bản thân hàng hoá. Phương pháp này sử dụng thông tin từ luồng thu nhập, tức các khoản thu nhập được phân phối cho những nhân tố tham gia vào quá trình sản xuất GDP như lao động, tư bản, đất đai. Ngoài ra, Chính phủ cũng nhận được thu nhập từ thuế gián thu, tức là các khoản thuế đánh vào các hàng hoá và dịch vụ bán trên thị trường (nếu có trợ cấp liên quan đến sản xuất được coi là một khoản gián thu âm).

$$GDP = w + i + R + Pr + Te$$

Trong đó: w là thu nhập từ tiền công, tiền lương

i là tiền lãi nhận được từ việc cho doanh nghiệp vay tiền

R là tiền thuê đất đai, tài sản

Pr là lợi nhuận

Te là thuế gián thu mà Chính phủ nhận được

Phương pháp chi tiêu. Phương pháp này sử dụng các thông tin từ luồng chi tiêu để mua hàng hoá và dịch vụ cuối cùng. Vì tổng giá trị hàng hoá bán ra phải bằng tổng số tiền được chi ra để mua chúng, nên tổng chi tiêu để mua hàng hoá và dịch vụ cuối cùng phải bằng GDP. Điều đó nghĩa là:

$$GDP = C + I + G + X - M$$

Trong đó:

C (Consumption) là các khoản chi tiêu của các hộ gia đình về hàng hoá và dịch vụ (không kể chi tiêu xây nhà ở mới).

I (Investment) là tổng đầu tư của khu vực tư nhân bao gồm các khoản chi tiêu mua máy móc, thiết bị, xây dựng nhà xưởng và bổ sung hàng tồn kho và xây dựng nhà ở mới (không tính các khoản đầu tư tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi tiết kiệm). Chú ý rằng, tổng đầu tư bao gồm hai bộ phận: chi tiêu để bù đắp bộ phận tư bản đã hao mòn, được gọi là đầu tư thay thế; và đầu tư ròng (Net Investment - I_N) phản ánh sự thay đổi quy mô tư bản trong nền kinh tế.

G (Government Purchases) là chi tiêu của Chính phủ về hàng hoá và dịch vụ (không tính các khoản thanh toán chuyển giao như chi cho các dịch vụ an sinh xã hội, phúc lợi và trợ cấp thất nghiệp).

X - M hay là xuất khẩu ròng (Net Exports - NX) là giá trị các khoản chi tiêu của người nước ngoài cho hàng hoá và dịch vụ trong nước (xuất khẩu: Exports - X) trừ đi các khoản chi tiêu của dân cư trong nước cho hàng hoá và dịch vụ được sản xuất ở nước ngoài (nhập khẩu: Imports - M).

Tổng sản phẩm quốc dân (Gross National Product - GNP)

Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) đo lường toàn bộ thu nhập hay giá trị sản xuất mà các công dân của một quốc gia tạo ra trong một thời kỳ nhất định, không kể trong hay ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia.

$$\text{GNP} = \text{GDP} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập về các nhân tố} \\ \text{sản xuất thuộc sở hữu} \\ \text{trong nước ở nước ngoài} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi trả các nhân tố sản} \\ \text{xuất thuộc sở hữu nước} \\ \text{ngoài ở trong nước} \end{array}$$

Hay: $\text{GNP} = \text{GDP} + \text{Thu nhập ròng nhận được từ nước ngoài}$

Thu nhập về các nhân tố sản xuất thuộc sở hữu trong nước và ở nước ngoài bao gồm: thu tiền lương và thù lao lao động làm thuê từ nước ngoài; thu lợi tức kinh doanh và tiền cho vay; thu lợi tức cho thuê đất, vùng trời, vùng biển và sử dụng bản quyền sáng chế.

Chi trả các nhân tố sản xuất thuộc sở hữu nước ngoài ở trong nước bao gồm: trả tiền lương và thù lao làm thuê của nước ngoài; trả lợi tức kinh doanh và tiền đi vay; trả lợi tức đi thuê đất, vùng trời, vùng biển và sử dụng bản quyền sáng chế ...

Ý nghĩa và hạn chế của các chỉ tiêu GDP và GNP

• Với hai cách tính trên GDP phản ánh khả năng sản xuất của nền kinh tế (bao gồm cả việc thu hút các nhân tố sản xuất từ bên ngoài); GNP đánh giá thu nhập hay giá trị sản xuất của một quốc gia do chính các công dân của nước đó tạo ra. Do đó mỗi chỉ tiêu được sử dụng đều có ý nghĩa riêng.

Tuy nhiên hạn chế của các chỉ tiêu này là:

• Trong tính toán có thể bị sai lệch do a) bỏ sót không tính vào các hoạt động tự sản tự tiêu không thông qua giao dịch thị trường và các hoạt động dịch vụ do gia đình tự làm; b) chọn mẫu và sử dụng phương pháp điều tra thống kê không chính xác.

• Các tính toán trên cũng chưa tính đến những thiệt hại do ô nhiễm.

• Việc tính toán GDP có quan hệ chặt chẽ với giá cả hàng hoá. Sự biến động của giá cả của các loại hàng hoá có ảnh hưởng không nhỏ đến việc sử dụng các chỉ tiêu này trong đánh giá so sánh giữa các thời kỳ.

Để khắc phục sự sai lệch về giá trong việc so sánh giữa các thời kỳ người ta thường tính GDP theo hai loại giá: giá cố định của một năm nào đó trong quá khứ được lấy là năm gốc và giá hiện hành. GDP danh nghĩa (nominal GDP) sử dụng giá hiện hành để tính giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ của nền kinh tế. GDP thực tế (Real GDP) sử dụng giá cố định trong năm gốc để tính giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ của nền kinh tế. Do GDP thực tế không chịu ảnh hưởng của sự biến động giá cả, nên những thay đổi của GDP thực tế chỉ phản ánh sự thay đổi của lượng hàng hoá và dịch vụ của nền kinh tế giữa các thời kỳ.

Từ hai chỉ tiêu thống kê này, chúng ta có thể tính được chỉ tiêu thứ ba, gọi là chỉ số điều chỉnh GDP (GDP Deflator), nó phản ánh mức giá hiện hành so với năm gốc, chứ không phản ánh lượng hàng hoá và dịch vụ.

$$\text{Chỉ số điều chỉnh GDP} = \frac{\text{GDP danh nghĩa}}{\text{GDP thực}} = \frac{\sum P_n Q_n}{\sum P_0 Q_n}$$

Trong đó: P_0 ; P_n tương ứng là giá thực tế (giá cố định) và giá hiện hành; Q_n là sản lượng hàng hoá và dịch vụ của năm hiện hành.

Để phục vụ cho việc so sánh kinh tế giữa các nước trên thế giới chúng ta có thể tính GDP theo hệ số quy đổi giữa đồng tiền quốc gia với đồng tiền nước ngoài.

$$\begin{array}{l} \text{GDP của} \\ \text{Việt Nam} \\ \text{theo ngoại tệ} \end{array} = \frac{\text{GDP của Việt Nam theo tiền quốc gia}}{\text{Hệ số quy đổi giữa tiền quốc gia với đồng ngoại tệ}}$$

Tuy nhiên, việc lựa chọn hệ số quy đổi như thế nào có ảnh hưởng không nhỏ trong việc so sánh. Trên thực tế, hệ số quy đổi thường được áp dụng song hành: theo tỷ giá hối đoái ngoại tệ bình quân năm do ngân hàng Nhà nước công bố và theo tỷ giá sức mua tương đương.

1.2.2. Các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

Kết quả đầu ra (Y) của nền kinh tế có thể được đo lường thông qua chỉ tiêu GDP hoặc GNP. Khi đó tăng trưởng kinh tế có thể được xác định thông qua tăng trưởng GDP hoặc GNP. Để xác định tăng trưởng kinh tế của một quốc gia chúng ta có các chỉ tiêu sau đây:

- Mức tăng trưởng kinh tế tuyệt đối: $\Delta \text{GDP}_n = \text{GDP}_n - \text{GDP}_0$

Ví dụ, mức tăng trưởng tuyệt đối của năm 2000 so với năm 1999 là:

$$\begin{aligned} \Delta \text{GDP}_{2000} &= \text{GDP}_{2000} - \text{GDP}_{1999} \\ &= 273.582 \text{ tỷ VNĐ} - 256.272 \text{ tỷ VNĐ} = 17.310 \text{ tỷ VNĐ} \end{aligned}$$

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

$$g = \frac{\Delta \text{GDP}_n}{\text{GDP}_0} = \frac{\text{GDP}_n - \text{GDP}_0}{\text{GDP}_0}$$

Ví dụ, tốc độ tăng trưởng của năm 2000 so với năm 1999 là:

$$17.310 / 256.272 = 6,75\%$$

- Tốc độ tăng trưởng hàng năm: là tốc độ tăng trưởng của năm sau so với năm liền trước. Chẳng hạn, tốc độ tăng trưởng của năm: 1995/1994 là 9,54%; 1996/1995 là 9,34%; 1997/1996 là 8,15%; 1998/1997 là 5,76%; 1999/1998 là 4,77%; 2000/1999 là 6,75%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của một giai đoạn:

$$\bar{g} = \sqrt[n]{\frac{GDP_n - GDP_0}{GDP_0}} - 1$$

Trong đó: GDP_0 là tổng sản phẩm trong nước của năm 0; GDP_n là tổng sản phẩm trong nước của năm thứ n.

Giả sử tính tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm (g) của giai đoạn 1991-1995.

Ta có:
$$\bar{g} = \sqrt[5]{\frac{GDP_{1995} - GDP_{1990}}{GDP_{1990}}} - 1$$

Ví dụ: $GDP_{1990} = 131.968$ tỷ đồng; $GDP_{1995} = 195.567$ tỷ đồng. Khi đó tốc độ tăng trưởng bình quân năm của giai đoạn 1991 - 1995 là:

$$\bar{g} = \sqrt[5]{\frac{195.567 - 131.968}{131.968}} - 1 = 8,2\%$$

Trên đây chúng ta đã tính tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Chúng ta cũng có thể tính tốc độ tăng trưởng theo GDP (GNP) bình quân đầu người. Tốc độ tăng trưởng bình quân đầu người không chỉ phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, mà còn phụ thuộc vào tốc độ gia tăng dân số. Nếu cùng có tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế như nhau, quốc gia nào có tốc độ gia tăng dân số lớn hơn thì tốc độ tăng trưởng bình quân đầu người sẽ thấp hơn.

1.2.3. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

Để phản ánh các nội dung khác nhau của khái niệm phát triển kinh tế cần phải có các nhóm chỉ tiêu khác nhau:

- *Nhóm chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm hay bình quân năm (của cả nền kinh tế hoặc tính theo bình quân đầu người) của một giai đoạn nhất định.

- *Nhóm các chỉ tiêu phản ánh sự biến đổi về cơ cấu kinh tế xã hội*: chỉ số cơ cấu kinh tế theo ngành trong GDP; chỉ số cơ cấu về hoạt động ngoại thương; tỷ lệ dân cư sống trong khu vực thành thị (nông thôn) trong tổng số dân; tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ...

- *Nhóm các chỉ tiêu phản ánh năng lực nội sinh của nền kinh tế quốc gia:*

Tỷ lệ tiết kiệm (đầu tư) trên GDP; các chỉ tiêu phản ánh trình độ công nghệ quốc gia; các chỉ tiêu phản ánh chất lượng lao động ...

- *Nhóm chỉ tiêu phản ánh chất lượng cuộc sống:*

Thu nhập bình quân đầu người và tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người;

Các chỉ số về dinh dưỡng: số calo bình quân/người/ngày;

Các chỉ số về giáo dục: tỷ lệ người biết chữ, tỷ lệ người đi học trong các độ tuổi, số năm đi học bình quân, số giáo viên trên một nghìn dân, số sinh viên trên một nghìn dân, số người có trình độ đại học và trên đại học trên một nghìn dân ... Các chỉ số này phản ánh trình độ phát triển giáo dục của một quốc gia và mức độ thụ hưởng các dịch vụ giáo dục của dân cư.

Các chỉ số về y tế: tỷ lệ trẻ em trong các độ tuổi, tỷ lệ dân cư được tiêm phòng; số bác sĩ trên một nghìn dân; số giường bệnh trên một nghìn dân ... Các chỉ số này phản ánh trình độ phát triển y tế của một quốc gia và mức độ thụ hưởng các dịch vụ y tế của dân cư.

Các chỉ số phản ánh về công bằng xã hội và nghèo đói: tỷ lệ nghèo đói và khoảng cách nghèo đói; chỉ tiêu phản ánh mức độ bình đẳng giới, chỉ số phản ánh công bằng xã hội. Ngoài ra, có thể có các chỉ tiêu khác nhau như các chỉ tiêu phản ánh sử dụng nước sạch hay các điều kiện về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác ...

Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI)

Để khắc phục sự khiếm khuyết trong việc sử dụng chỉ tiêu GDP (hoặc GNI) bình quân đầu người trong việc đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia, Liên hợp quốc đã đưa ra chỉ số phát triển con người (HDI). Chỉ số này được tổng hợp từ 3 chỉ số: thu nhập bình quân đầu người; mức độ phổ cập giáo dục; tuổi thọ trung bình. Như vậy, HDI không chỉ phản ánh mức sống vật chất, mà còn đo lường cả mức sống tinh thần của dân cư và do đó, chỉ số này đo lường chính xác hơn chất lượng cuộc sống của dân cư. Chỉ tiêu HDI của Việt Nam theo Liên hợp quốc công bố là: 0,649 (1995) xếp thứ 122/174 nước; 0,688

(2003) xếp thứ 109/175 nước; trong khi thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương xếp thứ 130/175 nước (HDI càng gần một trình độ phát triển con người càng cao).

1.3. Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế và đặc điểm của các nước đang phát triển

1.3.1. Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế

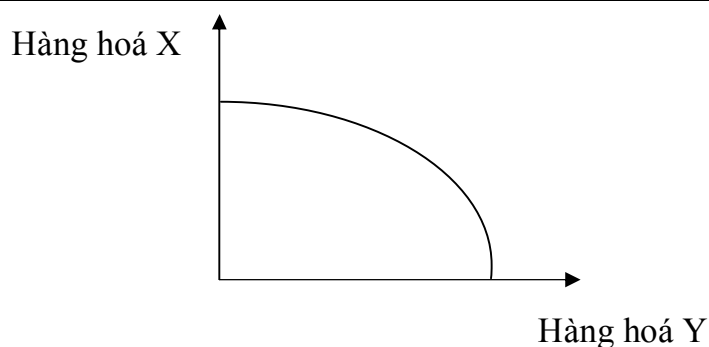
Chúng ta đã biết, các đầu ra của nền kinh tế như: GDP thực, công việc làm và giá cả ... là kết quả tác động qua lại của tổng mức cung và tổng mức cầu của nền kinh tế.

Tổng mức cung đề cập đến khối lượng mà các ngành kinh doanh sản xuất và bán ra trong điều kiện giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất nhất định. Như vậy tổng mức cung liên quan chặt chẽ với sản lượng tiềm năng. Vậy cái gì tác động đến sản lượng tiềm năng và do đó quyết định tổng mức cung ? Đó chính là khối lượng đầu vào của sản xuất (sức lao động và vốn là 2 yếu tố quan trọng nhất) và hiệu quả của những đầu vào đó kết hợp với nhau (đó là kỹ thuật của xã hội).

Tổng mức cầu đề cập đến khối lượng mà người tiêu dùng, các doanh nghiệp và Chính phủ sẽ sử dụng.

Như vậy cả tổng cung và tổng cầu đều tác động đến GDP thực. Tuy nhiên kinh nghiệm xác nhận rằng chừng nào sản lượng bằng hoặc thấp hơn sản lượng tiềm năng thì những thay đổi ngắn hạn (chẳng hạn từ 1 đến 2 năm) của sản lượng chủ yếu do những thay đổi về chi tiêu (nhân tố tác động đến tổng cầu) quyết định. Tuy nhiên, về lâu dài, tổng mức cầu trở nên ít quan trọng hơn đối với GDP thực. Tổng mức cầu thay đổi tác động đến mức giá nhưng không tác động đến sản lượng thực tế. Có thể nói, tổng mức cầu là động lực nằm sau những thay đổi ngắn hạn về sản lượng thực tế. Tuy nhiên, về mặt rất lâu dài, sản lượng thực tế chủ yếu do sản lượng tiềm năng quyết định và tổng mức cầu chủ yếu tác động đến mức giá.

Thực chất của tăng trưởng kinh tế có thể trình bày thông qua đường giới hạn khả năng sản xuất như sau:



Hình 1.1. Đường giới hạn khả năng sản xuất

Khi GDP thực nằm phía trong đường giới hạn khả năng sản xuất (tức là sản lượng tiềm năng) thì chính sách kích cầu sẽ có thể làm cho GDP thực tăng lên đến mức GDP tiềm năng. Tuy nhiên, khi GDP thực đã nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất, để tăng GDP đòi hỏi phải làm dịch chuyển đường giới hạn khả năng sản xuất ra phía ngoài, thông qua việc tăng quy mô các yếu tố đầu vào và thay đổi cách thức kết hợp giữa các yếu tố đó với nhau.

Tăng trưởng kinh tế là một quá trình lâu dài chủ yếu gắn với sự gia tăng về sản lượng tiềm năng và những nhân tố tác động đến sản lượng tiềm năng như: khối lượng vốn, lao động, tiến bộ công nghệ và tài nguyên thiên nhiên. Vì vậy có thể nói, nguồn gốc của tăng trưởng là sản xuất và các nhân tố cơ bản quyết định tăng trưởng là vốn, lao động, tiến bộ công nghệ và tài nguyên thiên nhiên.

Vốn vật chất bao gồm các máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải, hàng tồn kho ... là những yếu tố cần thiết cho các quá trình sản xuất trực tiếp. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội (như đường xá, điện, nước, vệ sinh, thông tin liên lạc ...) nhằm hỗ trợ và kết hợp các hoạt động kinh tế với nhau. Đầu tư tăng thêm vốn làm gia tăng năng lực sản xuất, cơ sở để tăng thêm sản lượng thực tế. Đối với các nước đang phát triển, vốn đang là nhân tố khan hiếm nhất hiện nay, trong khi nó lại là khởi nguồn để có thể huy động và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng khác cho tăng trưởng. Vì vậy, vốn giữ một vai trò hết sức to lớn đối với sự tăng trưởng, phát triển kinh tế của các nước đang phát triển.

Vốn nhân lực chủ yếu thể hiện ở kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đạt được nhờ giáo dục, đào tạo và kinh nghiệm của người lao động. Đây là nhân tố có tác động quan trọng đến tăng trưởng kinh tế, vì nó làm tăng năng lực sản xuất của

một quốc gia. Thiếu lực lượng lao động hoặc/ và chất lượng lao động thấp sẽ có ảnh hưởng to lớn đến tăng trưởng kinh tế. Ở các nước đang phát triển thường có hiện tượng thừa lao động nhưng chất lượng lao động thấp và cả hai mặt đó đều có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng, phát triển kinh tế.

Tiến bộ khoa học và công nghệ được đưa vào sản xuất làm tăng năng lực sản xuất vì nó đem đến cách tốt nhất để sản xuất các hàng hoá và dịch vụ. Đây là nhân tố thiết yếu trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đối với tất cả các quốc gia, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, song đây cũng là nguồn lực khan hiếm ở các nước đang phát triển. Tại các nước đang phát triển hiện nay, quá trình thay đổi công nghệ diễn ra dưới hình thức chuyển giao công nghệ, chứ không phải do hoạt động R & D nội tại. Sự lựa chọn và tiếp thu công nghệ nào và làm thế nào để không chỉ sử dụng thành công các công nghệ đó vào sản xuất, mà còn giúp cho nâng cao chất lượng công nghệ nội sinh của quốc gia là những vấn đề có ý nghĩa lớn lao.

Tài nguyên thiên nhiên cũng là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Tuy tài nguyên thiên nhiên quan trọng, song không nhất thiết hoàn toàn quyết định đến năng suất sản xuất hàng hoá và dịch vụ của một quốc gia. Đối với nước ta hiện nay khởi đầu tăng trưởng kinh tế với một xuất phát điểm thấp về kinh tế - xã hội, diện tích đất đai bình quân đầu người thấp (mật độ 250 người/ 1km², có mật độ cao thứ 13 thế giới) đã và đang được khai thác khá triệt để; tài nguyên thiên nhiên không phải là dồi dào; tốc độ tăng dân số tuy đã giảm song vẫn cao, lao động vẫn tiếp tục gia tăng với tốc độ cao tạo ra sức ép rất lớn trong giải quyết việc làm và những vấn đề xã hội. Đó là những yếu tố có tác động hạn chế không thể không tính đến trong bài toán phát triển của đất nước.

Khi nghiên cứu các nhân tố của tăng trưởng, phát triển kinh tế các nhà kinh tế cũng quan tâm nhiều đến các nhân tố như: cơ cấu dân tộc, tôn giáo, đặc điểm văn hoá - xã hội và các thể chế chính trị - kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong những nghiên cứu gần đây các vấn đề như thể chế kinh tế - xã hội và vốn xã hội được nhiều nhà kinh tế, xã hội quan tâm. Các nhân tố trên có khi còn được

người ta gọi là các nhân tố phi kinh tế, bởi vì chúng không tham gia trực tiếp vào các quá trình kinh tế như là những yếu tố sản xuất đầu vào, cũng không biểu hiện ra như là một kết quả kinh tế đầu ra. Tuy vậy chúng nó ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh tế, bởi vì thông qua các hành vi ứng xử và các phản ứng của các cá nhân và cộng đồng mà tác động đến các quá trình kinh tế - xã hội và sự thay đổi của các quá trình đó.

1.3.2. Những đặc điểm chung của các nước đang phát triển thu nhập thấp

Các nước đang phát triển có thu nhập thấp, nghèo, lạc hậu thường có những đặc điểm chung sau đây:

a) Mức sống thấp

Tuy có khác nhau nhưng nhìn chung mức sống của dân cư ở các nước đang phát triển thấp, đặc biệt là các nước có thu nhập thấp. Trong khi thu nhập bình quân trên đầu người ở các nước phát triển hàng chục nghìn đô la một năm thì thu nhập bình quân trên đầu người ở các nước đang phát triển chỉ là hàng nghìn đô la Mỹ một năm, thậm chí dưới một nghìn đô la Mỹ một năm.

Do mức sống thấp nên tỷ lệ tiết kiệm thấp và từ đó đầu tư thấp. Đầu tư thấp làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm, mức sống thấp. Đó là cái vòng luẩn quẩn đầu tiên mà các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có thu nhập thấp gặp phải và rất khó thoát ra. Đây là một trở ngại to lớn với quá trình tăng trưởng kinh tế của các nước này.

b) Năng suất lao động thấp

Năng suất lao động nhìn chung rất thấp. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó: công nghệ lạc hậu, quản lý yếu kém, trình độ và sức khỏe người lao động thấp kém ... Năng suất lao động thấp làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm, không có điều kiện để đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao sức khỏe, thể lực cho người lao động ... do đó, việc nâng cao năng suất lao động rất khó khăn và nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng chậm chạp.

c) Tỷ lệ thất nghiệp cao

Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm nhìn chung là rất quan trọng. Đó là kết quả việc dân số tăng nhanh, việc di chuyển dân cư từ nông thôn ra thành

phổ, khả năng tạo việc làm rất hạn chế ... Điều đó làm cho số người ăn theo rất lớn. Dân số trở thành gánh nặng của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm.

d) Phụ thuộc vào nông nghiệp và các sản phẩm xuất khẩu thường có giá trị gia tăng thấp

Đa số các nước đang phát triển có thu nhập thấp là nước nông nghiệp tức là ở các nước này, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu và nông phẩm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu. Điều đó làm cho nền kinh tế của các nước này phụ thuộc nặng nề vào tự nhiên, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế rất thấp. Tình trạng đó làm cho quá trình tăng trưởng kinh tế hết sức khó khăn chậm chạp.

e) Phụ thuộc cao vào các quan hệ quốc tế

Trong xu thế chung của thời đại, quan hệ kinh tế giữa các quốc gia không ngừng mở rộng và phát triển, việc các nước đang phát triển tham gia vào đời sống kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan và cần thiết. Nhưng các quan hệ kinh tế quốc tế đã được thiết lập theo "trật tự" có lợi cho các nước phát triển và không có lợi cho các nước đang phát triển. Thậm chí, các quan hệ kinh tế quốc tế bị chi phối bởi chính sách của các nước phát triển. Do đó, quá trình tăng trưởng kinh tế của các nước này gặp rất nhiều khó khăn.

Những đặc điểm trên đây làm cho quá trình tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có thu nhập thấp, hiện nay khó khăn hơn rất nhiều so với các nước phát triển trước đây. Các nước đang phát triển khó có thể đi những con đường mà các nước phát triển đã đi qua.

1.3.3. Tính đa dạng của các nước đang phát triển

Mặc dù có những đặc điểm chung hết sức quan trọng trên đây nhưng sự khác biệt (hay tính đa dạng) giữa các nước đang phát triển cũng hết sức to lớn.

a) Sự khác biệt về quy mô

Các nước đang phát triển có diện tích không giống nhau. Trong khi có những quốc gia có diện tích rất lớn như Trung Quốc, Ấn Độ thì lại có những quốc gia hay lãnh thổ rất nhỏ như Brunây, Butan ... Sự khác biệt về quy mô sẽ ảnh hưởng rất khác nhau đến quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế. Quy mô

lớn có ưu điểm là tài nguyên nhiều, thị trường tiềm năng lớn, ít phụ thuộc hơn vào bên ngoài ... nhưng lại có nhược điểm là quản lý hành chính khó khăn, phát triển không cân bằng giữa các vùng, sự không đồng nhất về dân tộc ... Những quốc gia có quy mô nhỏ lại có những thuận lợi và khó khăn hoàn toàn khác so với các nước có quy mô lớn.

b) Sự khác biệt về điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên của các quốc gia cũng không giống nhau. Những quốc gia có nhiều tài nguyên, đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hoà, ít thiên tai ... quá trình tăng trưởng kinh tế sẽ thuận lợi hơn. Ngược lại, những quốc gia nghèo tài nguyên, khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai ... quá trình tăng trưởng kinh tế sẽ rất khó khăn.

c) Sự khác biệt về con người

Mỗi quốc gia có lịch sử hình thành và phát triển riêng. Điều đó để lại dấu ấn rất sâu đậm về nhân cách, lối sống, tác phong lao động ... Những phẩm chất riêng của mỗi dân tộc sẽ có ảnh hưởng to lớn đến quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế.

d) Sự khác biệt về thu nhập

Trong số hơn 200 các nền kinh tế trên thế giới tính theo GNI trên đầu người năm 2003, chỉ có 55 nền kinh tế thuộc nhóm thu nhập cao (trong đó có 24 nước thuộc OECD); 37 thuộc thu nhập trung bình lớp trên; trong khi đó có 56 nền kinh tế thuộc nhóm thu nhập trung bình lớp dưới; đặc biệt có tới 61 nền kinh tế thuộc nhóm thu nhập thấp. Trong nhóm thu nhập thấp, có nhiều nước thuộc Châu Phi có thu nhập rất thấp như Etopia thu nhập 90 USD đầu người (năm 2000 là 100 USD trên đầu người), CHDC Công Gô 100 USD, Burundi 110 USD, Eritoria 190 USD ...

e) Mức độ phụ thuộc vào bên ngoài về kinh tế, chính trị khác nhau

Do những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau, mức độ phụ thuộc của các quốc gia vào các quan hệ quốc tế cũng không giống nhau. Điều đó sẽ làm cho quá trình tăng trưởng kinh tế của các quốc gia thuận lợi hoặc khó khăn rất khác nhau.

Những khác biệt trên đây làm cho quá trình tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển không giống nhau. Đây là điều cần tính đến khi tham khảo kinh nghiệm lẫn nhau giữa các nước này.

1.4. Vai trò của nhà nước đối với quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế

1.4.1. Sự cần thiết phải có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế

Cơ chế thị trường không chỉ có những ưu việt mà còn có nhiều khuyết tật, những thất bại thị trường trong việc điều chỉnh hoạt động của nền kinh tế.

Thứ nhất, đó là sự xuất hiện của độc quyền khiến cho không thực hiện được hiệu quả Pareto trong phân bổ nguồn lực, làm tổn hại lợi ích của người tiêu dùng và của xã hội.

Thứ hai, đó là các ngoại ứng. Ngoại ứng xuất hiện khi việc sản xuất và tiêu dùng hàng hoá của một cá nhân ảnh hưởng đến những người khác không thông qua các giao dịch thị trường. Ngoại ứng được coi là thất bại của thị trường (ngay cả trong trường hợp ảnh hưởng tích cực đối với người khác) vì khi tồn tại ngoại ứng, giá cả thị trường trở nên sai lệch, không còn là tín hiệu đúng để phân bổ các nguồn lực một cách có hiệu quả. Xã hội sẽ sản xuất nhiều hơn (với ngoại ứng tiêu cực) hoặc ít hơn (với ngoại ứng tích cực) so với mức sản lượng hiệu quả.

Thứ ba, hàng hoá công cộng. Người ta phân biệt hàng hoá tư nhân và hàng hoá công cộng dựa trên 2 đặc điểm: tính cạnh tranh trong tiêu dùng và khả năng loại trừ sự tiêu dùng. Một hàng hoá công cộng thuần túy không có cả 2 thuộc tính này. Do đặc tính trên của hàng hoá công cộng mà xuất hiện vấn đề "kẻ ăn không" trong việc tiêu dùng hàng hoá công cộng. Do vậy, xu hướng xảy ra là thị trường sẽ cung ứng lượng hàng hoá công cộng thấp hơn nhiều so với lượng cung có hiệu quả (theo nghĩa tối đa hoá tổng lợi ích xã hội), đó là một thất bại nghiêm trọng của thị trường.

Thứ tư, vấn đề công bằng trong phân phối thu nhập. Trạng thái phân phối thu nhập không công bằng, tồn tại sự khác biệt quá lớn trong thu nhập giữa các cá nhân và các nhóm trong xã hội cũng là một thất bại của thị trường.